

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26/3/2021

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Tân**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Công Định**.

Bà **Đỗ Thị Thanh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:

Bà **Đàm Thị Hạnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 228/2020/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa ngày 09 tháng 02 năm 2021 và Thông báo thời gian mở lại phiên tòa ngày 03 tháng 3 năm 2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Nh**, sinh năm 1987.

ĐKKHKT: Thôn K, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã Q, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Đoàn Phú S**, sinh năm 1985.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn K, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang lao động tại Cộng hòa liên bang Nga. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị **Lê Thị Nh** trình bày: Chị và anh **Đoàn Phú S** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 10/9/2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thường hay cãi nhau. Đến năm 2015 anh S đi xuất khẩu lao động tại Cộng

hòa liên bang Nga. Thời gian đầu anh vẫn liên lạc về nhà cho chị, sau đó chấm dứt liên lạc nên vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do anh S đi làm ăn kinh tế nhưng không gửi tiền về cho chị để nuôi con. Chị mong muốn anh S về nước để vợ chồng tập trung làm ăn, nuôi dạy con cái nhưng anh không về, chị nói nhiều lần thì anh bực tức, chửi mắng, lăng mạ chị. Bốn năm gần đây anh cắt đứt không liên lạc và không có trách nhiệm với gia đình. Do vậy, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Đoàn Thị Bảo A, sinh ngày 18/6/2015. Chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và tự nguyện không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của ông Đoàn Phú S và bà Trần Thị D (là bố, mẹ đẻ anh S) khai: Ông, bà không biết địa chỉ cụ thể của anh S ở nước ngoài nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên anh S vẫn thường xuyên liên lạc điện thoại về gia đình. Ông, bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh S biết. Thông qua gia đình, anh S trình bày quan điểm đồng ý ly hôn. Thời gian sau đó anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng chỉ đồng ý ly hôn khi anh về Việt Nam, anh có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng cho con; tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông S, bà D xác định không mong muốn vợ chồng anh S, chị Nh ly hôn, nhưng chị Nh cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án xác minh tại khu dân cư và chính quyền địa phương nơi chị Nh, anh S đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng xa cách mỗi người một nơi nên tình cảm không còn. Nay chị Nh có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56; 81; 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Nh được ly hôn anh Đoàn Phú S. Về con chung: Giao con chung Đoàn Thị Bảo A cho chị Nh nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị Nh không yêu cầu

anh S cấp dưỡng cho con. Chị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Nh sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Đoàn Phú S có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở thôn K, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương, hiện anh S đang lao động tại Cộng hòa liên bang Nga, không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nh không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh S ở Cộng hòa liên bang Nga. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh S cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án cũng đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân trong gia đình anh S. Gia đình đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Nh và anh S. Một số lần Tòa án tổng đạt văn bản trực tiếp cho bà D, bà D nhận văn bản nhưng không ký biên bản tổng đạt, không ký biên bản ghi lời khai. Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa lần thứ hai anh S vắng mặt. Chị Nh vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Nh và anh Đoàn Phú S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương ngày 10/9/2013 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, anh S đi làm ăn kinh tế nhưng không gửi tiền về cho chị nuôi con và trang trải cuộc sống, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Thông qua gia đình, anh S thông tin và trình bày quan điểm đồng ý ly hôn, sau đó anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng đề nghị khi anh về Việt Nam mới giải quyết ly hôn. Thông qua lời khai của các đương sự, đại diện gia đình và địa phương và thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị Nh và anh S, HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nh và anh S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù anh Sơn có quan điểm khi về nước mới giải quyết ly hôn nhưng anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Nh ly hôn anh S là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Chị Lê Thị Nh và anh Đoàn Phú S có một con chung là Đoàn Thị Bảo A, sinh ngày 18/6/2015. Mặc dù anh S có nguyện vọng được nuôi con nhưng anh đang ở nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam nên

không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con. Hơn nữa, con chung vẫn còn nhỏ, hiện đang ở với chị và lại là con gái nên cần có sự chăm sóc của người mẹ hơn. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, HĐXX chấp nhận giao con chung Đoàn Thị Bảo A cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nhài không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng cho con. Nếu có căn cứ cho rằng chị Nh không đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì anh S có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nh, anh S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết chia tài sản sau khi ly hôn (nếu có) theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Chị Lê Thị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Lê Thị Nh** ly hôn anh **Đoàn Phú S**.
2. Về quan hệ nuôi con: Xử giao cho chị Lê Thị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Đoàn Thị Bảo A, sinh ngày 18/6/2015 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nh không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng cho con.

Không ai được cản trở anh Đoàn Phú S thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Nh phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0004793 ngày 26 tháng 11 năm 2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Nh được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Đoàn Phú S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Q, huyện G, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân